

Bản án số: 30/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/7/2017

V/v: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồi

Bà Dương Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017, về tranh chấp: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXX - ST ngày 13/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm: 1987 - Hộ khẩu thường trú: tổ 27A1 phường M, quận S, Đà Nẵng, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn X** - Sinh năm: 1985 - Hộ khẩu thường trú: tổ 16 phường T, quận S, Đà Nẵng. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Hòa Sơn - Công an thành phố Đà Nẵng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh X kết hôn với nhau vào năm 2013, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, Quận S, Tp Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại tổ 16 phường T, Quận S, TP Đà Nẵng. Đến năm 2014, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống, tính tình không hợp, anh X không chăm sóc vợ con và không có sự chia sẻ. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay bà không còn yêu thương anh X nữa nên xin được ly hôn anh X.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/10/2014. Ly hôn, chị H xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định không có.

- Về nợ chung: Chị H xác định không có.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Phạm Văn X trình bày:* Anh X thống nhất với chị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Theo anh, vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nhưng anh vẫn còn yêu thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/10/2014. Ly hôn, anh X xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh X xác định không có

**Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng pháp luật. Về nội*

dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về việc nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

Về thủ tục: Đơn khởi kiện của Chị Nguyễn Thị H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn X đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND T, Quận S, TP. Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 282 quyền số 02 ngày 16/12/2013, hôn nhân tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng về sống với nhau tại tổ 16 phường T, Quận S, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống, theo chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống, tính tình không hợp, anh X không chăm sóc vợ con và không có sự chia sẻ. Còn anh X cũng xác định do tính tình hai bên không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Đồng thời, cả hai bên cũng đã thừa nhận cuộc sống không ai quan tâm đến ai và sống ly thân từ tháng 10/2016 cho đến nay. Hiện nay chị H xin ly hôn anh X, còn anh X cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H nên không đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu của các bên đương sự thì thấy: Quan hệ hôn nhân của chị H và anh X tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc. Trên thực tế vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, không còn có sự quan tâm, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bôn phận người đó, bỏ mặc, không có ai quan tâm đến ai và đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Qua điều tra xác minh thì anh X thường xuyên cờ bạc, vi phạm pháp luật nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Do vậy xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên

xử cho Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn X là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/10/2014. Ly hôn, cả chị H và anh X đều xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh X đồng ý giao con Phạm Nguyễn Gia H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/03/2018 cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị H thống nhất cách thỏa thuận trên của anh X. Xét việc thỏa thuận giữa hai bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện nên công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh X về con chung là hoàn toàn phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Án phí DSST: Anh X là người cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, con chung" của Chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Văn X.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn X.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Văn X nên giấy chứng nhận kết hôn số 282 quyển số 02 do UBND phường T, Quận S,

thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16/12/2013 cho chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn X không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa hai bên đương sự như sau: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/10/2014 cho Chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, anh Phạm Văn X tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/03/2018 cho đến khi con Phạm Nguyễn Gia H đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ Chị Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001514 ngày 13/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Án phí DSST: Anh X là người cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 17/7/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải

thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T, Tp. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ BÉ